

Bản án số 37/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 9 năm 2021

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ và bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; nơi ĐKKHKT: Số K382/11 đường V, tổ 04, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: Tổ 05, thôn A, xã N, huyện L, tỉnh Quảng Nam (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trần Nguyễn Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Số K382/11 đường V, tổ 04, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn trình bày:***

Tôi và ông Trần Nguyễn Q tự nguyện kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại nhà số 382/11 đường V, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do suốt thời gian dài chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã. Dù chúng tôi sống chung một nhà nhưng cả hai người không nói chuyện và quan tâm gì đến nhau. Chung sống được một thời gian thì vợ chồng tôi ly thân cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể giải quyết được, đời sống chung không thể kéo dài thêm nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với ông Q.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trần Thiên B, sinh ngày 29/10/2019; tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bị đơn là ông Trần Nguyễn Q trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Nguyễn Thị H kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống tại nhà số 382/11 đường V, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, gây gổ nhau và chúng tôi đã ly thân một thời gian. Tôi muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nhưng nếu bà H cương quyết ly hôn thì tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Trần Thiên B, sinh ngày 29/10/2019; tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H với bị đơn ông Trần Nguyễn Q là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn có địa chỉ cư trú ở địa bàn quận Thanh Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà H với ông Q kết hôn vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng, đây là hôn nhân tự nguyện và đảm bảo các quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà H ông Q đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp về lối sống, cách suy nghĩ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông Q xác định vợ chồng đã có mâu thuẫn và hai người sống ly thân, không có trách nhiệm hay quan hệ gì với nhau. Tại phiên tòa, ông Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt

được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc ly hôn với ông Q là hoàn toàn phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà H ông Q có 01 con chung là Trần Thiên B, sinh ngày 29/10/2019. Ly hôn, bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Q đồng ý giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý trợ cấp nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng theo yêu cầu của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này, giao con chung là Trần Thiên B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà H phải chịu 300.000 đồng. Án phí về khoản tiền đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, ông Trần Nguyễn Q phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn” đối với ông Trần Nguyễn Q.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Nguyễn Q.
- Về con chung: Giao con chung là Trần Thiên B, sinh ngày 29/10/2019 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), ông Trần Nguyễn Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà H phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà H đã nộp theo biên lai thu số 9032

ngày 03/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí về khoản tiền đóng góp cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, ông Trần Nguyễn Q phải chịu.

Án xử công khai, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THSDS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Đặng Ngọc Cường